1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Tiến độ thực hiện dự án

Bảng 1.15. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Hoàn thành thủ tục về thiết kế, môi trường, xây dựng, cấp phép khai thác, chuyển mục đích sử dụng rừng, các thủ tục khác có liên quan theo quy định	Đến hết quý IV/2027
2	Hoàn thành các thủ tục liên quan, hoàn thành công tác đầu tư xây dựng	Từ quý I/2028 đến hết quý IV/2028
3	Hoàn thành dự án và đưa dự án vào hoạt động	Quý I/2029

b. Tổng mức đầu tư của dự án

Bảng 1.16. Tổng mức đầu tư

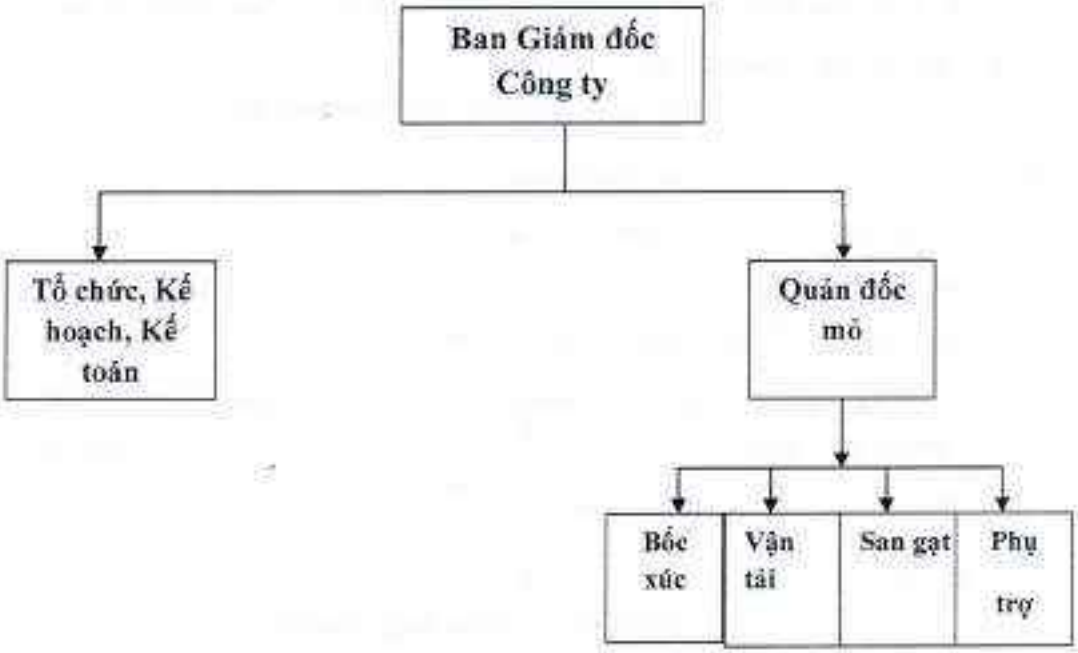
TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I	Chi phí xây dựng	1.274.149.000
II	Chi phí thiết bị	3.170.200.000
III	**Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**	5.375.569.000
IV	Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác	1.429.918.000
1	*Chi phí quản lý dự án*	*158.086.000*
2	*Chi phí tư vấn xây dựng*	*544.707.000*
3	*Chi phí khác*	*727.125.000*
V	Dự phòng 10%	1.023.331.000
	Tổng vốn đầu tư	**12.273.167.000**
	Làm tròn	**12.274.000.000**

(Nguồn: Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án)

c. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

** Sơ đồ tổ chức sản xuất:*

Dự án đầu tư được quản lý bởi Công ty TNHH Hoàng Nam Bắc Kạn. Nhân lực phục vụ ở các công trường này là các cán bộ công nhân viên của Công ty.



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức sản xuất của Công ty

d. Chế độ làm việc của mỏ

- Đối với công tác khai thác: Số ngày làm việc trong năm là 300 ngày;
- Đối với hành chính, bộ phận bán hàng: Số ngày làm việc trong năm là 265 ngày;
- Số ca làm việc trong ngày: 2ca;
- Thời gian làm việc trong ca: 4h;

Đối với bộ phận lao động trực tiếp có sự điều tiết hợp lý giữa các khâu trong hệ thống khai thác (khâu chuẩn bị mở tầng, khoan, nổ mìn, bốc xúc, vận chuyển nội bộ mỏ). Bộ phận bảo vệ, đặc biệt là khu vực bảo vệ kho chứa vật liệu nổ công nghiệp đảm bảo 24/24h hàng ngày phải canh gác nghiêm ngặt.

e. Biên chế lao động

Bảng 1.17. Biên chế lao động

TT	Chức danh lao động	Số lượng (người)
	Tổng số lao động	**7**
I	***Lao động gián tiếp***	***2***
II	***Lao động trực tiếp trên mỏ***	***5***
1	Công nhân máy xúc khai thác	1
2	Công nhân lái xe	2
3	Lái xe phục vụ	1
4	Công nhân phụ trợ	1

f. Năng suất lao động

Năng suất lao động của mỏ được xác định như sau:

Bảng 1.18. Năng suất lao động

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Sản lượng chì kẽm	Tấn/năm	7.900
2	Tổng số lao động	người	7
3	Năng suất lao động tính theo quặng nguyên khai	Tấn/người	1.128,5

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện về địa lý

Mỏ chì – kẽm – mangan – sắt khu vực Kéo Lếch thuộc địa phận xã Nghĩa Tá, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách trung tâm xã Chợ Đồn về phía Tây Nam khoảng 12km, cách trung tâm tỉnh Thái Nguyên về phía Tây Bắc khoảng 90km.

Khu mỏ Kéo Lếch đặc trưng bởi địa hình thuộc vùng núi trung bình có độ cao phổ biến 280m đến 355m, độ dốc bình quân từ 20^0 đến 30^0. Địa hình chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối khá dày đặc.

- Hệ thống sông suối: Trong diện tích thăm dò hệ thống suối phát triển chủ yếu theo phương á kinh tuyến, có 2 suối chính là suối Đáy và suối Nậm Đu.

Suối Đáy bắt nguồn từ các dãy núi phía Bắc Chợ Đồn chảy theo hướng Nam rồi theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua phía Đông khu mỏ đổ vào hồ Nghĩa Tá và chảy ra suối Nậm Nàn. Đây là suối lớn nhất trong vùng, lưu lượng nước về mùa mưa đạt 2.611l/s.

Suối Nậm Đu bắt nguồn từ bản Na Thít phía Tây của mỏ, chảy về phía Nam và đổ ra suối Nậm Nàn. Lưu lượng đạt 1.396l/s.

- Điều kiện giao thông: Có 01 tuyến đường chính là đường tỉnh 254 nối xã Chợ Đồn với xã Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

2.1.2. Điều kiện về địa hình, địa chất

a. Điều kiện địa hình:

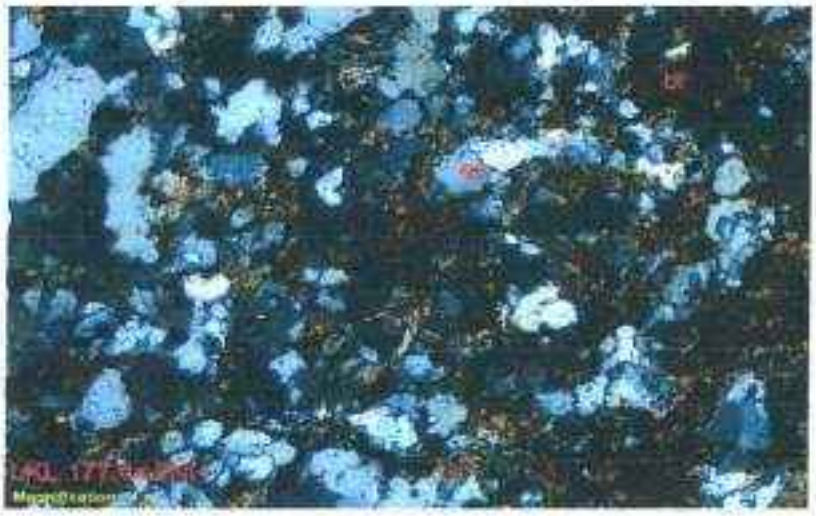
Khu vực mỏ thuộc địa hình vùng núi trung bình, độ cao thấp nhất 280m, cao nhất 355m. Sườn núi thoải có độ dốc 20^0 đến 30^0.

b. Điều kiện địa chất:

* **Địa tầng:** Về địa tầng chiếm toàn bộ diện tích thăm dò là trầm tích của hệ tầng Cốc Xô - tập 1 - hệ lớp 1 (D_1-D_2 ecx_1^1) với thành phần thạch học chủ yếu là đá phiến thạch anh- sericit và cát kết màu xám, xám vàng, xám trắng, xám đen. Đá cắm chủ yếu về phía Tây Nam và Đông Nam với góc dốc thoải từ 20^0 đến 50^0. Đá bị phong hóa, dập vỡ mạnh, đá phiến bị phong hóa mềm bở, không lấy được mẫu thạch học.

Theo kết quả phân tích thạch học đá cát kết ở đây bị sừng hoá, ép biến chất; thành phần khoáng vật chủ yếu là thạch hàm chiếm từ 45% đến 50%; plagioclas bị sericit hoá thay đổi từ 13% đến 15%; tổng các khoáng vật sericit, chlorit, muscovit, biotit chiếm

29% đến 33%. Đá có cấu tạo định hướng, kiến trúc cát biến dư, chuyển sang hạt, vảy biến tinh.



Hình 2.1. Đá cát kết bị sừng hóa (Ảnh phân tích thạch học mẫu LKL.177)

- Magma: Trong diện tích thăm dò không thấy sự xuất hiện các thành tạo của đá magma.

- Kiến tạo: Trong diện tích thăm dò chưa phát hiện ra hoạt động của các hệ thống đứt gãy, uốn nếp.

- Đặc điểm thân quặng chì - kẽm - mangan - sắt

Kết quả công tác thăm dò đã xác định được trong diện tích thăm dò có 01 thân quặng chì - kẽm - mangan - sắt (TQ.1).

Thân quặng phân bố ở phía Tây Bắc diện tích thăm dò, có hình dạng tương đối đẳng thước bị khuyết phía Đông Bắc, có xu thế hơi kéo dài theo phương Đông Tây, chiều dài nơi lớn nhất khoảng 260m, chiều rộng nơi lớn nhất khoảng 230m. Thân quặng được khống chế bằng công trình hào H.2KL; 5 vết lộ là VL.1KL, VL.2KL, VL.3KL, VL.4, VL.5; và 17 giếng gồm G1A.1; G1.1; G1.2; G1.3; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G3.1; G3.2; G3.3; G4.2; G4.3; G5.2; G5.2; G5A.1 và G5A.2.

Thân quặng tồn tại dạng eluvi, deluvi gồm các tảng, cục quặng nằm lẫn trong sét bột, chiều dày không ổn định thay đổi từ 1,0m đến 8,1m, trung bình 3,68m. Quặng phân bố ngay từ trên mặt địa hình ở phần trung tâm và nằm dưới lớp phủ ở phần xung quanh với chiều dày lớp phủ từ 0,4m (G1A.1) đến 3,0m (G4.3), chiều sâu tồn tại lớn nhất đến 8,1m so với bề mặt địa hình hiện tại (G3.3). Kích thước quặng chủ yếu nhỏ hơn hoặc bằng 20cm, một số ít đạt tới 50cm đến 70cm (G1A.1; G2.3 và G4.3), có độ mài tròn trung bình đến khá tốt.

Hàm suất quặng theo mẫu đơn thay đổi từ 0,356 tấn/m^3 đến 1,797 tấn/m^3; trung bình theo công trình hàm suất thay đổi từ 0,431 tấn/m^3 đến 1,574 tấn/m^3; trung bình thân quặng đạt 0,937 tấn/m^3, theo khối trữ lượng thay đổi từ 0,795 tấn/m^3 đến 1,049 tấn/m^3. Theo tổng hợp mẫu hàm suất tổng trọng lượng quặng có kích thước ≥1cm lớn gấp 1,75

lần quặng có kích thước <1cm.

Quặng màu xám đen, nâu đỏ, nâu vàng, thành phần khoáng vật quặng chủ yếu cerussit, smitsonit, limonit, pyrolusit, psilomelan, hematit, pyrit; khoáng vật quặng có cấu tạo khối; kiến trúc dạng keo, đới keo, tỏa tia, bó, kim, giả hình, cùi, cầu, dạng hạt.

Hàm lượng theo mẫu đơn Pb thay đổi từ 1,33% đến 4,53%, trung bình 2,75%; hàm lượng Zn thay đổi từ 0,70% đến 2,75%, trung bình 1,33%; hàm lượng Mn thay đổi từ 2,17% đến 17,21%, trung bình 9,25%; hàm lượng T.Fe thay đổi từ 31,18% đến 54,38%, trung bình 43,93%. Theo trung bình công trình hàm lượng Pb+Zn thay đổi từ 2,68% đến 5,20%; hàm lượng Mn thay đổi từ 3,57% đến 14,55%; hàm lượng T.Fe thay đổi từ 34,76% đến 53,44%. Hàm lượng các nguyên tố Pb, Zn, Mn, T.Fe biến đổi không có quy luật theo chiều sâu.

Chiều sâu tồn tại của thân quặng theo kết quả thăm dò chỗ sâu nhất là 8,1m (tại G3.3) so với bề mặt địa hình hiện tại. Theo kết quả tại các công trình như G2.3; G3.1; G5A.1; G5A.2; VL.1KL; VL.2KL; VL.3KL phía dưới lớp quặng chì - kẽm - mangan - sắt dạng eluvi, deluvi đều là đá gốc, chứng tỏ phía dưới thân quặng này không tồn tại quặng gốc.

Trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu mẫu khoáng tướng cho thấy thành phần khoáng vật trong quặng chì - kẽm - mangan - sắt tại khu vực Kéo Lếch chủ yếu là khoáng vật thứ sinh cerussit, smitsonit, limonit, pyrolusit, psilomelan, hematit; khoáng vật nguyên sinh chỉ gặp rất ít pyrit. Thành phần khoáng vật trong quặng chì - kẽm - mangan - sắt theo mẫu khoáng tướng được thống kê trong bảng số 2.1

Bảng 2.1. Thành phần khoáng vật trong quặng chì - kẽm - mangan - sắt tại khu vực Kéo Lếch

Khoáng vật nguyên sinh			Khoáng vật thứ sinh		
Tên khoáng vật	Tần suất xuất hiện (%)	Tỷ lệ (%)	Tên khoáng vật	Tần suất xuất hiện (%)	Tỷ lệ (%)
Pyrit	60	ít (vài hạt nhỏ)	Cerussit	100	3-5
			Smitsonit	100	2-3
			Psilomelan	60	10-43
			Pyrolusit	80	5-52
			Limonit	100	10-86
			Hematit	20	1

(Nguồn: Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án)

Từ bảng thống kê cho thấy khoáng vật quặng chủ yếu là cerussit, smitsonit, limonit, pyrolusit, psilomelan, ngoài ra còn có hematit và một ít pyrit. Các khoáng vật chủ yếu thuộc nhóm carbonat, oxit và hydroxit, chứa rất ít các khoáng vật sulfua có khả năng tạo axit. Do đó, xét về thành phần khoáng vật, quặng tại khu vực Kéo Lếch có hàm

lượng khoáng vật sulfua thấp, đặc biệt là pyrit, nên khả năng xảy ra quá trình oxy hóa sulfua và hình thành dòng thải axit (AMD) trong quá trình khai thác được đánh giá là thấp. Tuy nhiên, không loại trừ hoàn toàn khả năng phát sinh nước có tính axit cục bộ hoặc hiện tượng hòa tan, rửa trôi và phát tán các kim loại như Pb, Zn, Mn, Fe từ quặng, đất đá và các khu vực tập kết trong điều kiện tiếp xúc với nước mưa, nước mặt và oxy không khí.

Để chủ động phòng ngừa và kiểm soát các tác động môi trường, dự án bố trí hệ thống thu gom, dẫn dòng và xử lý nước mỏ phát sinh trong quá trình khai thác; nước mỏ được thu gom về công trình xử lý trước khi xả ra môi trường, bảo đảm đáp ứng các quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành. Đồng thời, tại các khu vực có nguy cơ phát sinh nước thải chứa kim loại, dự án thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát dòng chảy, hạn chế nước mưa tiếp xúc trực tiếp với quặng và đất đá có khả năng phát sinh ô nhiễm.

Bên cạnh đó, dự án thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước thải định kỳ đối với các thông số môi trường phù hợp, trong đó lưu ý các thông số đặc trưng như pH, TSS, Fe, Mn, Pb, Zn và các thông số liên quan khác. Kết quả quan trắc là cơ sở để đánh giá diễn biến chất lượng nước, kịp thời phát hiện trường hợp nước thải có dấu hiệu axit hóa hoặc gia tăng hàm lượng kim loại, từ đó chủ động điều chỉnh, bổ sung các biện pháp thu gom, xử lý nhằm kiểm soát và hạn chế tối đa nguy cơ phát tán kim loại ra môi trường tiếp nhận.

2.1.3. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí. Nhiệt độ càng cao thì tốc độ lan truyền và chuyển hoá các chất ô nhiễm trong khí quyển càng lớn, tác động của các yếu tố gây ô nhiễm môi trường khí càng mạnh. Nhiệt độ không khí có liên quan đến quá trình bay hơi của các chất hữu cơ. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí là những yếu tố gây ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh.

Các số liệu được lấy từ Trạm Khí tượng gần nhất là Trạm Bắc Kạn. Nhiệt độ trung bình năm 2023 là 22,7^{0}C; năm 2024 là 23,8^{0}C; năm 2025 là 23,9^{0}C.

Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình tháng trong 3 năm 2023, 2024 và 2025

Nhiệt độ trung bình tháng (^{0}C)												
Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Năm 2023	16,7	13,9	21,2	22,7	24,5	28,2	28,6	28,1	26,8	23,6	22,8	14,9
Năm 2024	15,6	19,0	21,3	24,7	27,8	29,1	29,4	27,8	27,3	24,9	21,4	17,6
Năm 2025	16,8	19,0	21,3	26,9	26,8	28,6	28,7	28,1	27,5	24,4	21,8	16,5

(Nguồn: Đài Khí tượng Thuỷ văn tỉnh Thái Nguyên - Trạm Bắc Kạn)

- Độ ẩm không khí:

Độ ẩm không khí là tác nhân ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát tán, lan truyền các chất gây ô nhiễm. Trong điều kiện độ ẩm lớn, các hạt bụi trong không khí có thể liên kết với nhau tạo thành các hạt to hơn và rơi ngay xuống đất. Độ ẩm còn có tác dụng với các

chất khí như SO_2, NO_x ,... hòa hợp với hơi nước trong không khí tạo thành các axit. Độ ẩm tương đối trung bình năm của không khí: Năm 2023 là 84%; năm 2024 là 81%; năm 2025 là 83%.

Bảng 2.2. Độ ẩm không khí trung bình tháng trong 3 năm 2023, 2024 và 2025

Độ ẩm trung bình tháng (%)												
Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Năm 2023	87	84	89	81	85	86	84	85	85	82	86	76
Năm 2024	73	82	81	84	78	80	80	88	85	81	83	80
Năm 2025	86	82	81	82	84	87	86	87	86	80	78	76

(Nguồn: Đài Khí tượng Thuỷ Văn tỉnh Thái Nguyên -Trạm Bắc Kạn)

- Lượng mưa:

Mưa có tác dụng làm sạch không khí và pha loãng chất thải lỏng. Các hạt mưa kéo theo các hạt bụi và hòa tan một số chất độc hại trong không khí rồi rơi xuống đất, có khả năng gây ô nhiễm đất và nước. Lượng mưa càng lớn thì mức độ ô nhiễm càng giảm. Vì vậy vào mùa mưa mức độ ô nhiễm thấp hơn mùa khô.

Mưa ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa trùng với mùa nắng trong năm kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10 với 85% - 90% lượng mưa cả năm. Thời gian còn lại là mùa ít mưa. Trong mùa mưa có những tháng có thể có tới gần 20 ngày có mưa. Mùa ít mưa thì lượng mưa không đáng kể, hoặc chỉ là mưa phùn.

Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình tháng trong 3 năm 2023, 2024 và 2025

Lượng mưa trung bình tháng (mm)												
Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Năm 2023	53,5	102,9	163,9	72,7	480,4	383,9	156,9	273,0	167,4	101,6	15,8	8,1
Năm 2024	0,0	63,1	11,3	22,6	48,1	216,0	241,3	482,3	159,1	7,3	32,7	4,8
Năm 2025	53,5	5,3	13,2	70,3	308,1	246,2	427,3	490,1	328,1	40,1	0,0	5,3

(Nguồn: Đài Khí tượng Thuỷ Văn tỉnh Thái Nguyên - Trạm Bắc Kạn)

- Nắng và bức xạ mặt trời:

Bức xạ mặt trời và nắng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ nhiệt trong vùng, qua đó ảnh hưởng đến quá trình phát tán cũng như biến đổi các chất ô nhiễm. Chế độ nắng liên quan chặt chẽ với chế độ bức xạ và tình trạng mây.

Bảng 2.4. Số giờ nắng trung bình tháng qua các năm 2023, 2024 và 2025

Số giờ nắng trung bình tháng (giờ)												
Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Năm 2023	41	21	40	142	92	164	237	203	151	181	136	93
Năm 2024	101	67	71	75	194	171	231	139	160	165	153	99
Năm 2025	32	87	78	130	112	119	176	167	155	202	188	66

(Nguồn: Đài Khí tượng Thuỷ Văn tỉnh Thái Nguyên - Trạm Bắc Kạn)

2.1.4. Điều kiện thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

Nằm trong diện tích thăm dò về phía Đông Nam có một khe suối nhỏ, bắt nguồn ở phía Đông Bắc chảy về phía Tây Nam quanh diện tích. Đây là khe suối có độ dốc nhỏ, lòng khe rộng 1 đến 2m, lưu lượng nước nhỏ, thay đổi theo mùa, do lòng khe nằm thấp hơn diện tích thăm dò nên khe suối này không ảnh hưởng đến khai thác sau này. Tại khe suối này đã tiến hành đặt 01 trạm quan trắc nước mặt là TV1-KL, lưu lượng lớn nhất đo được là 6,42l/s, nhỏ nhất là 0,83l/s, dụng cụ đo bằng ván chữ nhật.

Kết quả phân tích mẫu nước tại trạm quan trắc TV1-KL cho kết quả: độ PH = 6,95, tổng khoáng hoá M = 0,21mg/l, tổng lượng cặn H = 133,54 g/m^3>125, nước nhiều cặn. Hệ số tạo cặn Kh = 0,25g/m^3, nước có cặn. Hệ số ăn mòn K_k = (-1,41) < 0 nước không ăn mòn. Hệ số sủi bọt F = 5,78 < 60 nước không sủi bọt. Nước thuộc loại có cặn, không ăn mòn, không sủi bọt kiểu nước bicarbonat, canxi.

Công thức Cuốc Lốp tại trạm TV1-KL (NL.1) như sau:

$$M_{0,21}\frac{HCO^{3-}_{80}Cl^{-}_{19}}{Ca^{2+}_{50}Mg^{2+}_{31}}pH_{6,95}$$

Tên nước: Bicarbonat – Canxi Magie

Kết luận về ảnh hưởng của nước mặt tới khai thác khoáng sản: Nước mặt ở vùng mỏ thuộc loại kém phát triển, khe suối nằm thấp hơn thân quặng và không chảy qua thân quặng nên nước mặt không ảnh hưởng đến khai thác sau này.

b. Đặc điểm nước dưới đất

Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích lục nguyên hệ lớp1, tập 1, hệ tầng Cốc Xô ($D_{1-2}cx_1^{1}$) chiếm toàn bộ diện tích thăm dò. Thành phần thạch học gồm đá phiến thạch anh - sericit, cát kết, đá nứt nẻ, phong hóa, đới chỗ phong hóa mạnh thành sét mềm bở. Quặng chì - kẽm - mangan - sắt dạng eluvi, deluvi, nằm trong lớp phủ màu xám, xám vàng, trạng thái từ dẻo cứng đến cứng, lớp thấm nước kém. Nguồn cung cấp nước cho tầng chủ yếu là nước mưa là tầng nghèo nước. Trong tầng này phát hiện 01 điểm xuất lộ nước, lưu lượng các nguồn lộ đo được từ 0.08l/s, đây là tầng nghèo nước. Nguồn cung cấp chủ yếu là nước mưa. Tại điểm xuất lộ TK.01 có Q=0.08l/s.

Kết quả phân tích mẫu nước tại điểm xuất lộ TK.01 (NL.2) cho kết quả: độ pH = 6,79, tổng khoáng hoá M = 0,23mg/l, tổng lượng cặn H = 134,80 g/m^3 > 125 nước nhiều cặn. Hệ số tạo cặn Kh = 0,27g/m^3, nước có cặn. Hệ số ăn mòn K_k = (-1,47) < 0 nước không ăn mòn. Hệ số sủi bọt F = 11,86 < 60 nước không sủi bọt. Nước thuộc loại có cặn, không ăn mòn, không sủi bọt kiểu nước bicarbonat, canxi.

Công thức Cuốc Lốp tại trạm TV1-KL như sau:

$$M_{0,23}\frac{HCO^{3-}_{82}Cl^{-}_{16}}{Ca^{2+}_{55}Mg^{2+}_{34}}pH_{6,79}$$

Tên nước: Bicarbonat – Canxi Magie

Kết luận về ảnh hưởng của nước dưới đất tới khai thác khoáng sản: Nước dưới đất ở vùng mỏ thuộc loại nghèo, tuy có 01 điểm xuất lộ nước, lưu lượng các nguồn lộ đo được từ 0.08l/s nhưng nằm cách xa moong và thấp hơn diện tích khai thác thân quặng nên nguồn lộ này không ảnh hưởng đến khai thác khoáng sản sau này.

c. Đánh giá các nguồn nước có thể chảy vào mỏ và dự tính lượng nước chảy vào moong khai thác lộ thiên

Các nguồn nước có thể chảy vào mỏ gồm:

- Dự tính lượng nước chảy vào moong khai thác lộ thiên gồm có: Nước ngầm Q_N, nước mặt Q_S, nước mưa Q_M và nước sườn Q_{SN}.

Tổng lượng nước chảy vào mỏ, Q được tính bằng công thức:

$$Q = Q_N + Q_S + Q_M + Q_{SN}$$

+ Nước mặt: Q_S

Do diện tích khu mỏ nằm chủ yếu trên sườn núi cao, địa hình dốc không có khe suối chảy qua nên nước mặt là không ảnh hưởng đến khai thác.

+ Lượng mưa rơi trực tiếp trên diện tích khu mỏ Q_M:

Lượng nước mưa được xác định bằng tài liệu lượng mưa lớn nhất A_{max} ngày trong thời gian 3 năm 2023 – 2025, nhân với diện tích bề mặt moong khai thác F.

$$Q_M = A_{max} . F$$

A_{max} = 0,4901m.

(Lượng mưa trung bình tháng lớn nhất trong 3 năm từ 2023 – 2025 là 490,1mm = 0,4901m của tháng 8 năm 2025).

Moong 1 (TQ.1): $Q_M = A_{max} .F = 0,4901 \times 22.500 = 11.027(m^3/ngd)$.

+ Lượng nước sườn chảy vào moong khai thác Q_{SN}:

Do diện tích mỏ moong nằm trên đỉnh núi nên không có lượng nước sườn chảy vào moong khai thác.

+ Lượng nước ngầm chảy vào moong khai thác Q_N:

Do các thân quặng chủ yếu nằm trên các sườn núi với chiều sâu khai thác so với mặt địa hình là nhỏ hơn 10,0m chưa tới mực nước ngầm nên nước ngầm không ảnh hưởng đến khai thác.

Kết luận: Mỏ quặng chì - kẽm - mangan - sắt khu vực Kéo Lếch do thân quặng chủ yếu nằm trên đỉnh núi cao hơn mực xâm thực địa phương nên việc thoát lượng nước bằng phương pháp tự chảy là dễ dàng. Trong thiết kế khai thác cần tính toán thoát nước mưa cho phù hợp.

2.1.5. Điều kiện về kinh tế - xã hội

2.1.5.1. Điều kiện về kinh tế xã Nghĩa Tá

**** Sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới***

- Sản xuất nông nghiệp cơ bản đạt kế hoạch. Cây lúa và cây ngô đều đang trong giai đoạn thu hoạch; các cây trồng khác cơ bản đạt kế hoạch.

+ Về cây lúa: Diện tích gieo cấy được 211,14ha/ 229ha đạt 92,20% so với kế hoạch.

+ Về cây ngô: Diện tích gieo trồng được 111,26/ 119ha đạt 93,49% so với kế hoạch. Dự ước năng suất ước đạt khoảng 58/1ha.

- Diện tích gieo trồng: Cây rau, đậu các loại và hoa 29,623ha; Cây có củ có chất bột 4,47ha; Cây có hạt chứa dầu 8,49ha; Dưa lấy quả 6,03ha; Rau họ đậu 2,83ha; Rau lấy quả 9,341ha; Cây hàng năm khác 2,38ha.

Duy trì phát triển đàn gia súc, gia cầm; diện tích chăn nuôi thủy sản được duy trì ổn định. Tổng đàn trâu: 223con, Ngựa: 04 con, Lợn: 506 con, Lợn trang trại: 6.882 con, Dê: 261 con, chó 1.060 con, gia cầm: 47.184 con. Thuỷ sản: Tổng diện tích: 99,92 ha. Tuyên truyền vận động nhân dân chăm sóc tốt đàn gia súc, gia cầm hiện có. Tổ chức tiêm phòng định kỳ đợt 1 cho đàn vật nuôi tại 27/27 thôn đạt 100% kế hoạch.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được tăng cường. Tổng diện tích trồng rừng của xã là: 126,06 đạt 84,04% kế hoạch năm. Diện tích rừng khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng (chuyển tiếp) là: 2.701 ha. Trong 6 tháng đầu năm cơ quan chức năng đã xử lý 5 vụ việc vi phạp pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng (01 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật số tiền xử phạt 11.000.000 đồng; 01 vụ khai thác lâm sản trái pháp luật); 03 vụ phát phá rừng đang trong thời gian xác minh làm rõ.

- Thực hiện công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn theo quy định. Sẵn sàng phương án chủ động ứng phó, ứng trực 24/24 khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ gây ra.

- Nghiệm thu đưa vào sử dụng đường điện thắp sáng đường quê thuộc nguồn vốn sự nghiệp xây dựng nông thôn mới tổng số 39 cột bóng đèn lắp tại 02 địa điểm trên địa bàn xã.

- Xây dựng kịch bản sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030.

**** Công tác Tài chính, Đầu tư công và Quản lý Tài sản công***

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến ngày 22/6/2026: 1.972 triệu đồng/3.970 triệu đồng đạt 49,67% kế hoạch tỉnh giao và 49,3% dự toán HĐND giao. Tổng chi ngân sách địa phương 33.965.303 đồng, đạt 42,81% kế hoạch.

- Thực hiện công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các công trình đảm bảo thời gian quy định đối với các dự án đầu tư công tổng 10 công trình, thẩm tra quyết toán chi phí bồi thường giải phóng mặt phòng 01 công trình; qua thẩm tra cắt giảm các chi phí chưa hợp lý.

- Đã hoàn thành đăng ký danh mục công trình và nhu cầu vật liệu thuộc Chương trình hỗ trợ hạ tầng giao thông vùng khó khăn của tỉnh Thái Nguyên; dự kiến tập trung đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trọng điểm với tổng nhu cầu khoảng 20 tỷ đồng.

- Thực hiện hoàn thành công tác tổng kiểm kê tài sản công, Báo cáo kết quả rà soát, xử lý, đưa vào khai thác, sử dụng đối với các cơ sở nhà đất dôi dư sau sắp xếp bộ máy trên địa bàn xã3; Thực hiện rà soát nhu cầu tiếp nhận tài sản công là máy móc thiết bị dôi dư không có nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Quyết định điều chuyển tài sản công, công cụ của Văn phòng HĐNF&UBND cho ỦY ban MTTQ xã quản lý, sử dụng.

**** Lĩnh vực tài nguyên môi trường***

- Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đảm bảo theo đúng quy định. Đến thời điểm báo cáo đã tiếp nhận và giải quyết 65 hồ sơ (23 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua và 42 hồ sơ tiếp nhận mới trong năm), số hồ sơ đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 49 hồ sơ, số hồ sơ đang giải quyết trong hạn là 16 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 55 hồ sơ bảo đảm tiến độ theo quy định. Giao đất, cho thuê đất 11 hồ sơ đang giải quyết trong hạn. Hoàn thành đăng ký đất đai các thửa đất UBND xã quản lý do Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến 17.637 thửa đất phải hoàn thành dữ liệu trong đó; 4.742 thửa đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý đã hoàn thành; 12.895 thửa (do người dân quản lý) cần rà soát bổ sung thông tin và dữ liệu đất đai. Tính đến ngày 11/6/2026 đã hoàn thành thu thập dữ liệu được 2.416 thửa đất, Lũy kế khối lượng hoàn thành của đơn vị đã thực hiện được 4320/12.895 thửa, đạt 33,5 % Kế hoạch.

- Quản lý môi trường nông thôn: Chuẩn hóa quy trình thu gom rác thải sinh hoạt tại các thôn; bố trí 45 thùng lưu chứa và xe đẩy tay chuyên dụng, quy hoạch đồng bộ các điểm tập kết để vận chuyển, xử lý theo quy định, bảo vệ cảnh quan nông thôn mới.

**** Lĩnh vực Công thương, Xúc tiến thương mại và Phát triển thành phần kinh tế***

- Tổ chức thành công Chợ đêm ATK Nghĩa Tá gắn với Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam (tháng 4/2026), tạo điểm nhấn phát triển du lịch lịch sử - văn hóa.

- Xúc tiến thương mại: Hoàn thành thủ tục hỗ trợ các cơ sở kinh tế, HTX tham gia và đăng ký gian hàng-tại Hội chợ triển lãm "Công Thương - OCOP Thái Nguyên 2026".

- Phát triển doanh nghiệp, hộ kinh doanh: Trong 6 tháng đã thành lập mới 18 hộ kinh doanh và 01 Hợp tác xã, thực hiện chuyển đổi dữ liệu và thay đổi nội dung cho 17 hộ kinh doanh khác.

**** Tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công***

Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 được giao là 2.337.000.000 đồng; Tính đến ngày 12/6/2026 chưa thực hiện giải ngân. Đối với nguồn vốn đầu tư công chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026, tổng kế hoạch vốn là 4.043.403.089 đồng (bao gồm cả nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG 3.296.975.495 đồng); đến ngày 12/6/2026 đã giải ngân 256.840.476 đồng, đạt 6,35% kế hoạch.

**** Tình hình văn hóa – xã hội***

- *Về lĩnh vực Nội vụ:* Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo ban hành kế hoạch quản lý, tinh giản biên chế năm 2026 và cập nhật dữ liệu cán bộ; hoàn thành Đề án thành lập Trạm Y tế xã (tiếp nhận 12 viên chức); kịp thời thực hiện quy trình điều động, tiếp nhận và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh lãnh đạo quản lý, trường học và Ban Chỉ huy Quân sự xã; chuẩn bị tốt nhân sự kiện toàn các chức danh HĐND, MTTQ và các tổ chức Hội nhiệm kỳ 2026-2031. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chế độ chính sách, ban hành Quy chế nâng lương và quyết định nâng bậc lương trước thời hạn cho 17 đồng chí, nâng lương thường xuyên và giải quyết phụ cấp thâm niên cho 60 trường hợp đúng quy định.

- *Về cải cách hành chính:* Chỉ đạo ban hành, triển khai đầy đủ các kế hoạch CCHC, kiểm tra công vụ, thông tin tuyên truyền năm 2026 và hoàn thành báo cáo CCHC Quý I; tổ chức đánh giá, xếp loại CCHC năm 2025 theo đúng quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện bài bản qua việc đánh giá kết quả năm 2025 và ban hành Kế hoạch đào tạo năm 2026 cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đối với nhiệm vụ điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026, đã hoàn thành thu thập số liệu tại 06 cơ sở hành chính và 06 đơn vị sự nghiệp, được Trung ương phê duyệt trên hệ thống và hiện đang tiếp tục đối chiếu minh chứng tại các cơ quan, đơn vị.

- *Công tác lao động việc làm:* Tích cực triển khai chương trình đăng ký lao động thời vụ tại Hàn Quốc đợt 1 năm 2026; phối hợp hướng dẫn ký hợp đồng lao động nông nghiệp cho 50 công dân (đợt 1: 37 người, đợt 2: 13 người). Đồng thời, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức đào tạo định hướng, hoàn thiện thủ tục cho người lao động, ghi nhận tổng cộng 42 lao động đã xuất cảnh.

- *Công tác dân tộc, tôn giáo*: Tăng cường tuyên truyền chính sách dân tộc, tôn giáo, giữ vững khối đại đoàn kết và ổn định tình hình tín ngưỡng trên địa bàn; rà soát đời sống, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS. Thực hiện tốt chính sách người có uy tín qua việc tổ chức gặp mặt, tặng quà Tết Bính Ngọ cho 29 đại biểu (14,5 triệu đồng) và thăm hỏi kịp thời 02 trường hợp người có uy tín nằm viện.

- *Về Giáo dục và Đào tạo*: Đảng ủy đã chỉ đạo ban hành đầy đủ văn bản quản lý, giao định mức khoán giảng dạy năm 2026, triển khai Nghị định số 277/2025/NĐ-CP về phổ cập giáo dục mầm non từ 3-5 tuổi và giữ nguyên phương án sắp xếp 05 cơ sở giáo dục công lập. Công tác chuyên môn và phong trào được đẩy mạnh qua việc tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp xã, hoàn thành Đề án đầu tư công giai đoạn 2026-2030 cho 04

dự án trường học; tích cực thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục. Đồng thời, chỉ đạo tổ chức thành công Giải thể thao học sinh phổ thông (trao 68 giải); hoàn thành khảo sát, thành lập đội tuyển 10 học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp tỉnh và chủ động xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026-2027 cùng chiến lược giai đoạn 2026-2030. Chỉ đạo phối hợp tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 trên địa bàn diễn ra tuyệt đối an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế cho 123 thí sinh.

- *Về Y tế*: Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với 1.582 lượt khám chữa bệnh, phối hợp khám sàng lọc sức khỏe cho nhân dân được 3404/6692 người dân trên địa bàn = 50,86,2%, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh các trường học được 836 học sinh, tổ chức khám sức khỏe cho 324 trẻ mầm non, đón 20 trẻ sinh mới, rà soát điều chỉnh 430 thẻ BHYT. Công tác phòng chống dịch bệnh được đẩy mạnh qua 09 lượt truyền thông lồng ghép về phòng chống bệnh Lao tại cơ sở với hơn 645 lượt người nghe. Đồng thời, kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, tổ chức kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm (ATTP) dịp Tết Bính Ngọ tại 06 cơ sở kinh doanh và kiểm tra đột xuất các bếp ăn trường học nhân Tháng hành động ATTP, bảo đảm nghiêm túc các quy định theo pháp luật.

- *Về Văn hóa, Khoa học, Thông tin*: chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền bám sát nhiệm vụ chính trị, Đại hội Đảng các cấp và bầu cử Quốc hội khóa XVI, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 với hơn 100 lượt phát thanh, 46 băng rôn, khẩu hiệu, biên tập và đăng tải trên 70 tin, bài trên trang thông tin điện tử xã và 60 bài viết hình ảnh trên Fanpage, Facebook. Tổ chức thành công "Hội xuân ATK" Bính Ngọ 2026, các giải thể thao, chương trình nghệ thuật quần chúng đậm đà bản sắc dân tộc, livestream trực tiếp thu hút đông đảo du khách. Phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh gắn với Chợ đêm ATK, các câu lạc bộ hát Then, Páo Dung; đặc biệt đã ra mắt mô hình Thư viện và Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng xã trong tháng 5.

Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, địa phương đã triển khai tích cực phong trào "Bình dân học vụ số", Tập huấn chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng với hơn 100 lượt thành viên tham gia, rà soát hạ tầng viễn thông vùng lõm sóng (thôn Khuổi Đẩy), bảo dưỡng và lắp đặt mới hệ thống Wifi tại 08 thôn nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho nhân dân. Công tác ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước chuyển biến mạnh mẽ: chính thức đưa vào sử dụng phòng họp không giấy tờ thông minh từ tháng 5/2026, nghiên cứu xây dựng Zalo Mini App, xử lý 100% văn bản trên môi trường điện tử, cập nhật dữ liệu đại biểu HĐND và hỗ trợ 100% hộ kinh doanh khảo sát mức độ chuyển đổi số trên nền tảng quốc gia. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính đạt 87,3%.

- *Về Bảo trợ xã hội, Người có công*: Thực hiện tốt chính sách an sinh, tổ chức cấp phát 6.990 kg gạo cứu trợ cho 121 hộ (466 nhân khẩu) dịp Tết và giáp hạt năm 2026; kịp thời chi trả trợ cấp 6 tháng đầu năm cho hơn 2.000 lượt đối tượng với kinh phí trên 1,9 tỷ

đồng. Công tác quản lý đối tượng được thực hiện đúng quy định qua việc rà soát, điều chỉnh và thôi hưởng trợ cấp cho 67 trường hợp theo các Nghị định của Chính phủ. Đồng thời, tổ chức hội đồng xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy chứng nhận và đề nghị giải quyết chế độ cho 12 công dân theo Luật Người khuyết tật.

- *Hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công*: Trung tâm vận hành hiệu quả, niêm yết công khai TTHC và duy trì thái độ phục vụ nghiêm túc, đúng mực, không để xảy ra phản ánh, khiếu nại. Trong 6 tháng đầu năm Trung tâm đã tiếp nhận 1.919 hồ sơ (*chủ yếu thuộc lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, đất đai, bảo trợ xã hội, đăng ký kinh doanh*), trong đó giải quyết đúng và trước hạn 1847 hồ sơ (*đạt 96,2%*), còn lại 42 hồ sơ đang trong hạn và không có hồ sơ quá hạn (*quý I có 03 hồ sơ quá hạn nhưng đã được tính xóa trên hệ thống*). Đặc biệt, công tác chuyển đổi số đạt kết quả đột phá với tỷ lệ phát sinh dịch vụ công trực tuyến, trực tuyến toàn trình và thanh toán trực tuyến đều đạt trên 98%; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 97,5%. Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung đạt 40%.

- *Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát*: Đảng ủy đã ban hành Quyết định số 190-QĐ/ĐU ngày 15/5/2026 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã. Ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 15/5/2026 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã Nghĩa Tá; đồng thời phân công các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc phụ trách từng thôn, từng hộ gia đình. Tiến độ thực hiện: Đối với các hộ gia đình thực hiện theo Đề án 245 (Đề án 1000 căn nhà): Tổng số: 06 nhà xây mới trong đó: Đối tượng người có công với\cách mạng: 01 hộ đã hoàn thành; Đối tượng hộ nghèo: 5 hộ đang triển khai thực\hiện. Đối với 25 hộ nghèo, cận nghèo còn lại: xây mới: 22 nhà; sửa chữa 3 nhà đã tiến hành rà soát nhu cầu, lập danh sách báo cáo Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- *Công tác triển khai sắp xếp, sáp nhập thôn:* Đảng ủy xã đã chủ động, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn theo đúng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh và các văn bản của Đảng ủy. Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đã trực tiếp bám sát cơ sở, kịp thời nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng của Nhân dân, phát huy hiệu quả công tác dân vận, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Việc tuyên truyền, vận động được thực hiện linh hoạt, khéo léo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Nhờ đó, công tác sắp xếp, sáp nhập thôn trên địa bàn xã được triển khai thuận lợi, đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

- *Công tác số hóa tài liệu*: Kết quả chỉnh lý tài liệu tồn đọng từ năm 2015 trở về trước: Tổng khối lượng tài liệu cần chỉnh lý: 80 mét giá tài liệu bó gói. Khối lượng tài liệu đã chỉnh lý sơ bộ: 80 mét giá tài liệu. Tỷ lệ hoàn thành: 100%. Kết quả số hóa tài liệu: Dự kiến hết tháng 6 sẽ hoàn thiện 100%.

(Nguồn: Báo cáo số 366-BC/ĐU ngày 25/6/2026 của Đảng uỷ xã Nghĩa Tá - Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026)

2.1.5.2. Điều kiện về kinh tế xã Chợ Đồn

*** Về phát triển kinh tế:**

- Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

+ Hoàn thành công tác sản xuất, gieo trồng cây lương thực có hạt; tuyên truyền người dân tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất lúa an toàn, bền vững (*IPM, IPHM, SRI, GAP, hữu cơ, tưới ướt khô xen kẽ,...*) nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm lúa gạo và bảo vệ môi trường. Dự ước năng suất vụ xuân 2026: cây lúa diện tích 390,81 ha, năng suất 58 tạ/ha, sản lượng 2.267 tấn; cây ngô diện tích 126,3 ha, năng suất 47,9 tạ/ha, sản lượng 606,11 tấn; sản lượng chè búp tươi đạt 24/30 tấn đạt 80% kế hoạch; các chỉ tiêu khác đạt và vượt kế hoạch giao.

+ Phát triển sản phẩm OCOP: Hiện toàn xã có 10 sản phẩm OCOP còn thời hạn *(01 sản phẩm 4 sao và 09 sản phẩm 3 sao).* Trong năm 2026 đặt ra mục tiêu phát triển thêm 02 sản phẩm mới.

+ Chăn nuôi, thú y: Tình hình chăn nuôi trên địa bàn cơ bản ổn định, tổng đàn vật nuôi được duy trì và phát triển, cụ thể: đàn trâu, bò, ngựa trên 600 con; đàn dê trên 600 con; đàn lợn khoảng 2.500 con; đàn gia cầm trên 46.600 con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 544 tấn. Tiêm vắc xin phòng bệnh dại trên đàn chó, mèo được 1.196 liều/1.420 con, đạt 84,23%; vắc xin phòng bệnh tụ huyết trùng trên đàn trâu, bò được 412 liều/472 con, đạt 87,29%; vắc xin phòng bệnh lở mồm long móng trên đàn trâu, bò được 412 liều/472 con, đạt 87,29%.

+ Thực hiện trồng rừng đạt 65,93/100 ha, đạt 65,93 % kế hoạch *(trong đó trồng tập trung sau khai thác được 45,23 ha; trồng phân tán được 20.700 cây tương đương 20,7 ha)*; tỷ lệ che phủ rừng đạt 77,76 %/74%, vượt kế hoạch đề ra.

- Công tác thủy lợi; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Duy trì, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi kiên cố do địa phương quản lý, cung ứng nước tưới đủ phục vụ sản xuất; duy trì công tác trực phòng, chống thiên tai 24/24h, thăm nắm tình hình, báo cáo kịp thời theo quy định, trong 6 tháng đầu năm 2026 không có thiệt hại do thiên tai trên địa bàn xã.

+ Công tác khuyến nông: Ban hành Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Khuyến nông trên địa bàn xã Chợ Đồn năm 2026; tổ chức kiểm tra, thẩm định điều kiện các hộ đăng ký tham gia mô hình Chăn nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học với quy mô 3.000 con; mô hình trồng chè hoa vàng được 1,2/5 ha; lấy nhu cầu thực hiện mô hình chăn nuôi vịt bầu cổ xanh được 3.000 con.

- Lĩnh vực tài nguyên, môi trường:

+ Tiếp nhận 92 hồ sơ thủ hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất *(cấp mới 73 hồ sơ cấp mới; 19 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất)*; đã xử lý được 48 hồ sơ, đang thực hiện 44 hồ sơ

+ Triển khai thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai theo Kế hoạch số 133/KH-UBND của UBND tỉnh, đến ngày 23/6/2026 thực hiện được 3.121/9.423 thửa đất, đạt 33,12%.

+ Thực hiện đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2026 trên địa bàn xã Chợ Đồn với 05 dự án1.

+ Thực hiện công tác hoạt động khai thác, thu mua, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản trái pháp luật trên địa bàn xã được 08 lượt; xử lý tạm giữ 2.500 kg khoáng sản quặng chì kẽm nguyên khai không rõ nguồn gốc.

+ Thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý đất đai đối với các công trình, dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách và việc sử dụng đất của một số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Chợ Đồn đối với 04 công ty.

+ Duy trì công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; không phát sinh điểm nóng về ô nhiễm môi trường.

+ Công tác thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng: Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Hồ Khuổi Tráng thuộc dự án cụm công trình thủy lợi Bắc Kạn (đợt 2) với tổng kinh phí 12.533.686.575 đồng (dự kiến thực hiện chi trả vào ngày 26/6/2026); thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

+ Cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng (phần bổ sung cây cối hoa màu hạng mục Cấp điện) với số tiền đề nghị là 28.580.000 đồng.

- Công tác quy hoạch, xây dựng, công thương:

+ Công tác quy hoạch: Thực hiện các bước lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị mới Chợ Đồn đến năm 2050, trình thẩm định, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định và đã trình UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, xã Bằng Lãng, xã Ngọc Phái (trước sáp nhập) giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

+ Công tác xây dựng cơ bản: Rà soát, lập danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm 2026, thẩm định chủ trương đầu tư 06 dự án. Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi bàn giao đưa vào sử dụng các công trình hoàn thành 04 công trình; cung cấp giá vật liệu trên địa bàn xã.

+ Tình hình thị trường, hoạt động công thương trên địa bàn xã ổn định, không phát sinh vi phạm. Ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên

địa bàn xã Chợ Đồn.

+ Công tác quản lý chợ, bến xe: Duy trì tốt việc khai thác, quản lý tại chợ Bằng Lũng và chợ Phương Viên. Duy trì 22 đầu xe đăng ký hoạt động tại bến, trong đó có 20 đầu xe hoạt động ra, vào thường xuyên tại bến.

- Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới: UBND xã đã tổ chức rà soát đánh giá thực trạng 10 tiêu chí xã nông thôn; qua đánh giá xã mới chỉ đạt 02/10 tiêu chí *(Tiêu chí 4: Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; Tiêu chí 7: Khoa học công nghệ và chuyển đổi số)*. Năm 2026, xây dựng kế hoạch, mục tiêu hoàn thành thêm 03 tiêu chí *(Tiêu chí 1: Quy hoạch; Tiêu chí 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội; Tiêu chí 9: Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công)*.

- Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo: UBND xã đã ban hành kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 17/4/2026 triển khai thực hiện công tác giảm nghèo năm 2026, mục tiêu: dự kiến giảm tỷ lệ nghèo đa chiều từ 0,64% trở lên *(trong đó hộ nghèo giảm 0,53% tương đương giảm 20 hộ; hộ cận nghèo 0,11% tương đương với 04 hộ trở lên)*.

- Kết quả chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: UBND xã đã ban hành kế hoạch và triển khai các dự án gồm: Dự án giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (nội dung Hỗ trợ nhà ở); dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; dự án thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; các dự án đang được triển khai có hiệu quả trên địa bàn xã.

- Công tác quản lý tài sản công: Sau khi rà soát, xã đã xây dựng phương án xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư theo quy định bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. Đã hoàn thành việc bàn giao Điểm trường thôn Bằng Viễn - Trường Tiểu học Bằng Viễn và Điểm trường Bằng Viễn - Trường Mầm non Phương Viên, Trụ sở Đội Quản lý thị trường số 9 cho phòng Văn hóa - Xã hội xã Chợ Đồn quản lý, sử dụng làm điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Bằng Viễn. Đối với Trụ sở Đội Thuế thị trấn Bằng Lũng đã thực hiện phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định. Tiếp nhận cơ sở nhà đất Chi nhánh Trung tâm Khuyến nông và môi trường Khu vực XVII (cơ sở nhà, đất Trạm Thú y và Bảo vệ thực vật huyện Chợ Đồn (cũ) và trình UBND tỉnh điều chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực XIII thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnhThái Nguyên quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc.

**** Về phát triển Văn hóa - Xã hội:***

- Xây dựng chính quyền:

+ Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; trình HĐND xã bầu 03 phó Chủ tịch UBND xã và 05 Ủy viên UBND xã nhiệm kỳ 2026-2031.

+ Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn: UBND xã đã xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã và tổ chức lấy ý kiến nhân dân là đại diện hộ gia đình của 39 thôn, kết quả tỷ lệ cử tri đồng ý sắp xếp thôn theo dự thảo Đề án đạt từ 60% trở lên. Sau sắp xếp, tổng số thôn trên địa bàn xã là 11 thôn.

+ Thành lập đơn vị hành chính đô thị: UBND xã đã triển khai lấy ý kiến nhân dân và chuẩn bị các nội dung để trình HĐND xã thông qua chủ trương thành lập Phường Chợ Đồn trên cơ sở nguyên trạng xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

+ Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cho 11 người hoạt động không chuyên trách xã; tổ chức rà soát và xây dựng phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp.

- Công tác tổ chức bộ máy:

+ Bổ nhiệm 03 cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã *(Văn phòng HĐND&UBND, phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội).*

+ Thực hiện quy trình tổ chức lại phòng Kinh tế thành phòng Kinh tế và phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; điều động và bổ nhiệm 03 công chức quản lý và 10 công chức chuyên môn sau khi tổ chức lại phòng Kinh tế.

+ Thực hiện điều động và tiếp nhận viên chức quản lý đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã.

+ Thành lập 02 đơn vị sự nghiệp công lập *(Trạm Y tế xã và Ban quản lý dự án xã)*; sáp nhập 04 đơn vị trường học *(Mầm non Bằng Lũng, Mầm non thị trấn Bằng Lũng, THCS thị trấn Bằng Lũng, THCS Phương Viên) thành 02 đơn vị trường học (Mầm non Bằng Lũng, THCS Bằng Lũng).*

- Công tác thi đua khen thưởng: Trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng giấy khen cho 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham mưu công tác bầu cử Quốc hội khóa XVI và hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; tặng giấy khen cho 16 tập thể, 19 cá nhân trong công tác bầu cử và công tác Hội xuân Bính Ngọ năm 2026; trình Sở Nội vụ 45 hồ sơ xét tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

- Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, ban hành các quyết định về chế độ tiền lương cho 85 viên chức, 01 công chức.

- Công tác lao động - việc làm được thực hiện tốt, hiện có 13 người tham gia lao động xuất khẩu tại nước ngoài; xã hiện có 10.985 lao động, trong đó có 6515 người đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ 59,3%, có 346/500 người được giải quyết việc làm mới (đạt 69,2% chỉ tiêu giao).

- Công tác Hội: UBND xã đã chủ động phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện để các tổ chức Hội hoạt động hiệu quả, đúng điều lệ, đã thực hiện xong việc chuyển giao các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Chợ Đồn.

- Công tác cải cách hành chính: Tổ chức thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm những tồn tại, hạn chế đối với chỉ số cải cách hành chính năm 2025 và báo cáo phân tích, đánh giá chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của xã Chợ Đồn năm 2025. Đến nay, xã đã thực hiện hoàn thành 13/23 nhiệm vụ cải cách hành chính đạt 57% kế hoạch.

- Công tác giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch năm học 2025-2026 và đội ngũ viên chức tham gia đầy đủ các hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện xong việc kiểm tra, đánh giá, tổng kết năm học 2025-2026; cập nhật, rà soát số liệu trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026-2027, ban hành quyết định giao chỉ tiêu đến các nhà trường. Tổ chức giải thể thao học sinh phổ thông xã Chợ Đồn năm học 2025-2026; thành lập Đoàn tham dự Giải thể thao và kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt 02 giải Nhì, 03 giải Ba và 01 giải Khuyến khích; giải thể thao cấp tỉnh đạt 02 huy chương Bạc và 01 huy chương Đồng, bên cạnh đó các trường học tham gia các cuộc thi khác theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

Thực hiện công tác tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện công tác trường học đạt chuẩn quốc gia và kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2026-2030; thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và học sinh theo quy định.

- Công tác văn hóa, khoa học và thông tin, chuyển đổi số

Công tác văn hóa, văn nghệ: ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh và địa phương; triển khai thực hiện Đề án số 17-ĐA/TU và Đề án số 18-ĐA/TU trên địa bàn. Thành lập Câu lạc bộ Văn hóa dân gian Sli Nùng Chợ Đồn, Câu lạc bộ Bắn nỏ ATK xã Chợ Đồn; đưa vào hoạt động Thư viện công cộng xã. Tổ chức thành công Hội Xuân ATK Chợ Đồn năm 2026, Chợ đêm ATK Chợ Đồn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được thực hiện theo quy định.

Hoạt động thể thao: Duy trì và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; tổ chức các giải thể thao, hoạt động thi đấu trong dịp Hội Xuân ATK Chợ Đồn năm 2026, ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân với trên 800 người tham gia, giải bóng chuyền hơi nữ và giải bóng đá thanh niên lần thứ I. Tham gia các giải thể thao do cấp trên tổ chức, góp phần nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân.

Công tác phát triển du lịch: UBND xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, thế mạnh du lịch của xã. Trong 6 tháng đầu năm 2026, xã đã thu hút trên

19.000 lượt khác tham quan, trải nghiệm, đạt trên 95% kế hoạch năm, trong đó chủ yếu là lượng khách tham gia Hội xuân ATK Chợ Đồn năm 2026 và 01 phiên chợ Đêm gắn với hoạt động văn hóa, văn nghệ, quảng bá sản phẩm địa phương. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch tiếp tục được quan tâm, từng bước xây dựng các sản phẩm trải nghiệm đặc trưng như hát Páo Dung và thêu hoa văn truyền thống của người Dao đỏ, mô hình du lịch cộng đồng tại Bản Cuôn 1, Bản Cuôn 2 tiếp tục được duy trì trên cơ sở kết quả đầu tư trước đây.

Hoạt động thư viện: Duy trì phục vụ độc giả đến mượn sách, báo tại thư viện; tổ chức lễ ra mắt thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi xã Chợ Đồn và Thư viện công cộng xã Chợ Đồn; tiếp nhận hơn 400 đầu sách gồm sách lịch sử, văn học, kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, sách thiếu nhi từ Bệnh viện Mắt Thái Hà để phục vụ độc giả tại Thư viện công cộng của xã; trong 6 tháng năm 2026 phục vụ trên 200 lượt độc giả đến mượn và đọc sách, báo.

Duy trì vận hành ổn định hệ thống công nghệ thông tin, truyền thanh và hạ tầng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã. Thực hiện căng treo được 06 pano, 64 câu băng rôn tuyên truyền; đăng tải, chia sẻ trên hệ thống Trang thông tin Điện tử của xã và Trang Fanpage của Trung tâm dịch vụ tổng hợp được trên 700 tin, bài, phóng sự, văn bản, video, poste các loại; xây dựng được 19 bản tin phát thanh với trên 200 tin bài tuyên truyền trên hệ thống Loa truyền thanh của xã...

Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời dữ liệu trên các hệ thống dùng chung bao gồm: Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức; hệ thống kiểm kê tài sản công và hệ thống dữ liệu chuyên ngành nội vụ.

Triển khai, hướng dẫn trình tự nộp hồ sơ sáng kiến năm 2026 và tổ chức đánh giá theo quy định, kết quả đạt 41/52 hồ sơ sáng kiến của các cá nhân, đơn vị trên địa bàn.

Chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến: Kiện toàn các Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2026 với số lượng huy động đạt hơn 700 thành viên. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ chuyển đổi số cho 150 học viên là thành viên nòng cốt của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn. Thực hiện quyết liệt các nội dung trong "Chiến dịch 100 ngày số hóa", tập trung làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu dân cư, đất đai và hộ tịch theo kế hoạch đã đề ra.

- Công tác y tế

Công tác khám chữa bệnh trên địa bàn được thực hiện tốt, trong 6 tháng đầu năm 2026 đã tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người dân được trên 7000 lượt người đạt hơn 66,59% kế hoạch. Công tác tiêm chủng mở rộng được duy trì thực hiện tốt, thực hiện tiêm được 534 liều vacxin các loại cho tất các đối tượng đủ điều kiện theo quy định.

Công tác quản lý an toàn thực phẩm: Triển khai đầy đủ kịp thời, kế hoạch, văn bản liên quan đến công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn. Thực hiện kiểm tra được 42 cơ sở *(đạt 37 cơ sở, 05 cơ sở vi phạm đã xử phạt vi phạm hành chính với số tiền*

6.400.000 đồng); thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm được 03 cơ sở, lệ phí thu được 1.050.000 đồng; tổ chức thành công Lễ phát động tháng hành động an toàn thực phẩm trên địa bàn với khoảng 600 người tham gia và thực hiện tốt công tác tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm với 15 lượt phát thanh/3230 người nghe.

Thường xuyên phối hợp với Bảo hiểm xã hội cơ sở Chợ Đồn thực hiện báo tăng, giảm thẻ BHYT và chuyển đổi thẻ BHYT cho người dân trên địa bàn được hưởng quyền lợi thẻ người dân ở xã an toàn khu, vùng an toàn khu cách mạng xã Chợ Đồn theo quy định. Trong 6 tháng tháng đầu năm thực hiện báo tăng giảm thẻ BHYT được trên 650 lượt.

Công tác quản lý y, dược được duy trì thực hiện tốt; công tác phòng chống tệ nạn xã hội được duy trì thực hiện, 6 tháng đầu năm đã tổ chức kiểm tra các quán Karaoke trên địa bàn được 01 lượt với 02 cơ sở; phối hợp với Đội công tác xã hội tình nguyện theo dõi, can thiệp được 02 người có ý định hoạt động tình dục không an toàn.

- Công tác người có công, bảo trợ xã hội

Lĩnh vực người có công: Thực hiện chi trả chế độ đối với người có công với cách mạng 455 lượt đối tượng, với kinh phí hơn 1.7 tỷ đồng; thực hiện chuyển quà, tặng quà cho các đối tượng người có công, nhân dịp tết Dương lịch 2026, tết Nguyên Đán Bính Ngọ được 431 xuất quà với giá trị 188.200.000 đồng. Tổ chức các đoàn tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình người có công, thân nhân liệt sĩ nhân dịp tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026 được 308 xuất với giá trị 85.100.000 đồng; tổ chức thăm viếng 04 lượt đối tượng người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng chết; đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp một lần cho 14 đối tượng người có công từ trần; đề nghị giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ cho 02 đối tượng; tổ chức đưa, đón người có công đi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung tại Quảng Ninh; di chuyển 01 hồ sơ người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng đến nơi ở mới; tổ chức triển khai thu nhận mẫu ADN cho thân nhân liệt sĩ chưa xác định danh tính trên địa bàn xã Chợ Đồn năm 2026.

Công tác bảo trợ xã hội: Ban hành hơn 70 Quyết định hưởng mới, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng; tổ chức xác định mức độ khuyết tật cho hơn 30 đối tượng và cấp Giấy xác nhận khuyết tật cho 29 đối tượng khuyết tật; tổ chức cấp gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu năm với tổng số 144 hộ 265 khẩu/5.235 kg gạo; tổ chức khẩn cấp đưa 01 đối tượng khuyết tật thần kinh tâm thần đang hưởng trợ cấp xã hội có hành vi nguy hiểm cho xã hội vào cơ sở Bảo trợ xã hội.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: Triển khai các kế hoạch đối với công tác bảo vệ trẻ em kịp thời; tặng quà trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 được 36 xuất quà với số tiền 18.000.000 đồng.

Công tác bình đẳng giới: xây dựng kế hoạch tuyên truyền pháp luật về "Bình đẳng giới và an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái trong kỷ nguyên số", tổ chức tuyên truyền tại 04 thôn với trên 140 người tham gia.

- Công tác xóa nhà tạm:

Triển khai rà soát nhu cầu thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2026, qua triển khai có đăng ký nhu cầu là 21 nhà, được phê duyệt 06 nhà (01 nhà đã hoàn thành, 04 nhà đang xây dựng, 01 nhà đến 30/7/2026 mới khởi công).

- Công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, thăm nắm tình hình tại cơ sở tôn giáo trên địa bàn, qua kiểm tra cơ bản tình hình tôn giáo trên địa bàn xã ổn định, đồng bào theo đạo tin tưởng, thực hiện theo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thành lập 02 đoàn tổ chức thăm tặng quà các điểm tôn giáo nhân dịp lễ phục sinh và Đại lễ phật đản năm 2026.

(Nguồn: Báo cáo số 585/BC-UBND ngày 23/6/2026 của UBND xã Chợ Đồn - Báo cáo Công tác chỉ đạo điều hành; tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026)

Nhìn chung điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội trong vùng thuận lợi cho công tác thăm dò mỏ.

Sau khu mỏ đi vào hoạt động tạo công ăn việc làm công người dân địa phương và phát triển kinh tế xã hội của người dân, đóng góp ngân sách nhà nước.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Thu thập số liệu quan trắc môi trường nền khu vực dự án

Nhằm đánh giá toàn diện các tác động môi trường phát sinh trong giai đoạn xây dựng và khi dự án đi vào vận hành, Công ty đã tiến hành thu thập, tổng hợp và sử dụng các số liệu quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn do Trung tâm Quan trắc môi trường Bắc Kạn thực hiện đợt 1 (21/3-26/4/2025) và đợt 2 (02/6-17/6/2025) năm 2025 làm cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường khu vực dự án. Cụ thể như sau:

Bảng 2.5. Thông tin vị trí lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ		Kí hiệu mẫu	Mô tả điểm quan trắc
		X (m)	Y (m)		
		Vĩ độ	Kinh độ		
1	**Môi trường không khí**				
1	Khu vực thị trấn Bằng Lũng (gần bưu điện)	2451387	406581	KKCĐ-1	Ngã tư thị trấn Bằng Lũng, gần Bưu điện thị trấn
		22°09'27.36''	105°35'46.14''		
2	Khu vực Lũng	2449817	405157	KKCĐ-3	Gần các nhà máy

STT	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ		Kí hiệu	Mô tả điểm quan
	Váng	22°08'35,91''	105°34'56,13''		của công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn
II	**Môi trường nước mặt**				
1	Nước sông Phó Đáy tại xã Bằng Lãng (cầu Tùm Tó)	2447634	403898	NMCĐ-4	Sông Phó Đáy-Dưới cầu Tùm Tó, xã Bằng Lãng
		22°07'24.66''	105°34'13.65''		
III	**Nước ngầm**				
1	Thị trấn Bằng Lũng (nhà dân)	2451427	406471	NGCĐ-1	
		22°09'28.52''	105°35'04.02''		
IV	**Môi trường đất**				
1	Khu vực Bằng Lũng	2449651	405063	ĐCĐ-4	Đất khu vực Lũng Váng, thị trấn Bằng Lũng
		22°08'563''	105°34'780''		

a. Chất lượng môi trường không khí

Bảng 2.6. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí Chợ Đồn năm 2025

Stt	Thông số	Kết quả				QCVN 05:2023/BTNMT (Bảng 1)
		Đợt 1		Đợt 2		
		KKCĐ-1	KKCĐ-3	KKCĐ-1	KKCĐ-3	
1	Nhiệt độ	23,5	23,2	28,3	31,5	-
2	Độ ẩm	86,4	90,6	72,9	62,7	-
3	Tốc độ gió	0,5	0,5	0,8	0,5	-
4	Hướng gió	Tây	Tây Bắc	Nam	Nam	-
5	Áp suất	972,4	965,7	968,4	961,6	-
6	Tiếng ồn (Laeq)	66	62,2	67,5	64,3	**70**(1)
7	Tiếng ồn (Lmax)	134	86,2	136,3	137,7	-
8	Độ rung	38,1	42,4	50,8	47,8	**70**(2)
9	Tổng bụi lơ lửng TSP	187	153	182,1	179,9	**300**

Stt	Thông số	Kết quả				QCVN 05:2023/BTNMT (Bảng 1)
		Đợt 1		Đợt 2		
		KKCĐ-1	KKCĐ-3	KKCĐ-1	KKCĐ-3	
10	CO	5.549	KPH	5.091	KPH	**30.000**
11	NO_2	26,7	28,5	30,5	22,5	**200**
12	SO_2	30,9	30,5	34,8	28,3	**350**
13	Bụi PM10	25,6	31	29,5	32,7	**100**

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí;

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh;

(1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

(2): QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- "KPH":Không phát hiện;

- "-": Không quy định.

Qua kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực Chợ Đồn năm 2025 thì các thông số quan trắc đều có kết quả nằm dưới QCVN 05:2023/BTNMT.

b. Chất lượng môi trường nước mặt

Bảng 2.7. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt Chợ Đồn năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1)
			Đợt 1	Đợt 2	
1	Amoni (NH4+-N)	mg/L	KPH	0,078	**0,3**
2	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	KPH	**0,5**
3	Chì (Pb)	mg/L	0,011	KPH	**0,02**
4	Arsenic (As)	mg/L	0,0029	KPH	**0,01**
5	pH	-	7,77	7,49	**6,0 – 8,5** (1)
6	TSS	mg/L	15	15	**≤ 100**(1)
7	DO	mg/L	6,97	6,4	**≥ 5,0**(1)
8	BOD_5	mg/L	4	4,3	**≤ 6**(1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN
9	COD	mg/L	9,9	9,28	≤ 15[1]
10	Tổng Phosphor TP	mg/L	0,186	0,16	≤ 0,3[1]
11	Tổng Nitơ TN	mg/L	3,1	2,2	≤ 1,5[1]
12	Coliform	MPN/100L	780	800	≤ 5.000[1]

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người;

+[1] Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.)

Kết quả phân tích chất lượng nước mặt khu vực Chợ Đồn gần vị trí dự án có giá trị các thông số nằm trong QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 1 và Bảng 2 mức B.

b. Chất lượng nước dưới đất

Bảng 2.8. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất Chợ Đồn năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	-	7,78	7,75	5,8-8,5
2	TDS	mg/L	328	101	1.500
3	Độ cứng (tính theo CaCO3)	mg/L	165	104	500
4	Amoni (NH4 + tính theo Nitơ)	mg/L	0,019	KPH	1
5	Nitrate (NO3 - tính theo Nitơ)	mg/L	0,09	0,089	15
6	Chỉ số permanganat	mg/L	1,79	1,79	4
7	Sắt (Fe)	mg/L	0,111	0,106	5